

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2020

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Phú

2. Bà Ngô Thị Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn MX, xã MP, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1985 "có mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 "có mặt"

Đều có địa chỉ: Thôn ĐX, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Phạm Quang D, sinh ngày 14/02/2007

- Cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/10/2009

Người đại diện hợp pháp cho cháu D: Anh Phạm Văn Đ là bố đẻ

Người đại diện hợp pháp cho cháu H1: Chị Nguyễn Thị L là mẹ đẻ.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1958 "có mặt".

Trú tại: Thôn MX, xã MP, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lời khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ quen biết và có thời gian tìm hiểu được khoảng 5 tháng thì kết hôn, đăng ký tại UBND xã C, huyện T ngày 29/4/2006. Hôn nhân của anh chị thực sự hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, nếu không vừa lòng anh Đ chửi và đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình và hội phụ nữ thôn hòa giải động viên, vì thương con lên chị đã bỏ qua tất cả cố chịu đựng để nuôi dạy con cái nhưng anh Đ không thay đổi tính nết vẫn làm theo ý mình. Đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh Đ đi làm công nhân tại khu công

nghiệp Phố Nối, tỉnh Hưng Yên có quan hệ bỏ bịch nên về lạnh nhạt, không lo toan cho gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể kéo dài thêm nên kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quang D, sinh ngày 14/02/2007 và cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/10/2009. Hiện nay cháu D đang ở với anh Đ, còn cháu H1 ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi cháu H1, để anh Đ nuôi cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ nần: Năm 2010 vợ chồng có đưa tiền nhờ bố mẹ chồng mua hộ mảnh đất tại khu Bến Trại, thôn ĐX, xã C và đã làm nhà và công trình phụ ra ở riêng; vợ chồng còn nợ bố mẹ chồng 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*). Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản nợ nần, anh Đ ở nhà đất thì phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ bố mẹ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày thống nhất với chị L về thời điểm kết hôn và thời gian vợ chồng sống hạnh phúc, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế khó khăn do làm ăn chăn nuôi thua lỗ, chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 11/2019 đến nay. Chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau đã lâu nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quang D, sinh ngày 14/02/2007 và cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/10/2009. Ly hôn anh nhất trí để chị L nuôi cháu H1, anh nuôi cháu D hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về phân chia tài sản chung, công sức, ruộng cấy: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị L trình bày năm 2010 vợ chồng đưa tiền nhờ bố mẹ anh hộ mảnh đất tại khu Bến Trại, thôn ĐX, xã C, đã làm nhà và công trình phụ ra ở riêng là không đúng. Đây là đất của bố mẹ anh mua, chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng.

Về nợ nần: Vợ chồng còn nợ bố mẹ đẻ anh số tiền là 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) tiền gốc do bố mẹ đứng tên vay ngân hàng hộ và lãi là 19.200.000đ. Ngoài ra, bố mẹ anh còn vay hộ vợ chồng tiền của tầm nhìn 3.900.000đ, cô Ngân 3.000.000đ để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, nợ bố mẹ anh 3.000.000 tiền mua bò và 01 chỉ vàng, tổng cộng là 114.000.000đ. Ly hôn anh đề nghị vợ chồng phải có trách nhiệm trả số nợ cho bố mẹ anh mỗi người một nửa là 57.000.000đ (*năm mươi bảy triệu đồng*).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Đ trình bày chị L anh Đ tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ép buộc, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn kinh tế sa sút nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra còn do chị L có bỏ bịch bên ngoài nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019. Nay chị L có đơn

xin ly hôn, quan điểm gia đình mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng quyền quyết định là ở anh chị, gia đình không thể ép buộc. Về tài sản chung: Anh chị L ấy nhau chưa tạo dựng được tài sản gì, nhà đất anh chị ở và hiện nay bỏ hoang là của vợ chồng bà mua, không phải tiền của vợ chồng bỏ ra như chị L trình bày. Nếu vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái thì gia đình bà cho, còn ly hôn thì gia đình lấy lại sau này cho cháu nội Phạm Quang D. Về nợ: Vợ chồng anh Đ chị L còn nợ gia đình bà tổng số tiền là 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng), bà yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm trả số nợ trên.

Tòa án xác định bị đơn anh Phạm Văn Đ có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị L anh Đ trong thời kỳ hôn nhân, đã thông báo cho bà H, anh Đ đến làm các thủ tục phản tố, yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng anh Đ, bà H không chấp hành.

Cháu Phạm Quang D trình bày đang ở với bố và ông bà nội, trường hợp bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu xin được ở cùng bố. Cháu Phạm Thị Thu H1 đang ở với mẹ, nếu bố mẹ không sống cùng nhau cháu xin được ở với mẹ.

Người làm chứng ông Nguyễn Mạnh T (bố đẻ chị L an) trình bày: Chị L và anh Đ tự quen biết có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Đ còn có quan hệ trai gái nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, đến tháng 1/2020 chị L đã về nhà ông ở cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị L có đơn ly hôn, quan điểm của gia đình ông không mong muốn nhưng quyền quyết định thuộc về anh chị và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xác minh tại UBND xã C, huyện T cung cấp: Chị L an, anh Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 29/4/2006 vào sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38. Theo địa phương được biết khoảng hơn một năm trở lại đây hai chị đã có những mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và làm ăn chần nuôi bị thua lỗ dẫn đến kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xảy ra đánh cãi nhau, chị L đã về nhà bố mẹ để sinh sống, anh Đ đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Hiện chị L và anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Đại diện UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Thị Thu H1 còn đề anh Đ nuôi cháu Phạm Quang D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công sức, nợ nần chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đ nhất trí thuận tình ly hôn với chị L an, nhất trí để chị L nuôi cháu H1, còn anh nuôi cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, không yêu cầu giải quyết về tài sản, công sức, ruộng cấy. Về nợ: xác định vợ chồng còn nợ bố mẹ anh 114.000.000đ, yêu cầu chị L phải có trách nhiệm trả một nửa là 57.000.000đ. Sau khi kết thúc phần tranh luận, anh Đ thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn, yêu cầu chị L phải thanh toán trả bà H một nửa số nợ mới đồng ý ly hôn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H yêu

cầu anh Đ chị L phải thanh toán trả bà số tiền gốc và lãi tổng cộng là 114.000.000đ. Anh Đ, bà H đã được giải thích phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Tòa án mới xem xét giải quyết nhưng cương quyết không nộp. Khi HĐXX đi vào nghị án, anh Đ bà H tự ý bỏ về không tiếp tục tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, không chấp hành yêu cầu của Tòa án về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Giao cháu Phạm Quang D sinh ngày 14/02/2007 cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/10/2009 chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Anh Đ, bà H không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết trong vụ án, các bên được quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn anh Phạm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ có thời gian tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T ngày 29/4/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị nhiều lần đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đầu năm 2020 anh chị không còn chung sống cùng nhau, mỗi người một nơi không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, ban đầu anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn nhưng sau thay đổi không đồng ý ly hôn với lý do chị L phải thanh toán trả nợ chung của vợ chồng mới đồng ý ly hôn. Việc anh Đ thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn chỉ với mục đích yêu cầu chị L trả nợ chung, không xuất phát từ ý chí chủ quan muốn vợ chồng đoàn tụ. Anh Đ đã được thông báo, giải thích phải nộp tạm ứng án phí thì Tòa án mới xem xét yêu cầu giải quyết về nợ nhưng cố tình không chấp hành. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX quyết định giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Quang D, sinh ngày 14/02/2007 và Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/10/2009. Quan điểm của chị L nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 còn để anh Đ nuôi cháu D đến tuổi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quan điểm của anh Đ cũng nhất trí với quan điểm của chị L. Nguyên vọng của cháu D xin được ở với bố, cháu H1 xin được ở với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị, do vậy Tòa án quyết định giao cháu D cho anh Đ, giao cháu H1 cho chị L được quyền nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[4]. Về tài sản chung; công sức; ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ: Anh Đ xác định vợ chồng còn nợ của bố mẹ anh tổng số tiền là 114.000.000đ, ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên cho bố mẹ anh là 57.000.000đ. Yêu cầu của anh Đ được xác định là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn. Tòa án đã có công văn số 364/2020/CV-TA ngày 02/7/2020 yêu cầu anh làm đơn giải quyết việc vợ chồng vay nợ, cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định (kèm theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí), anh Đ đã nhận được công văn và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí và cung cấp các tài liệu để chứng minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc vợ chồng anh Đ chị L còn nợ bà số tiền 114.000.000đ. Tòa án đã gửi thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 258/2020/TB-TA, thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 259/2020/TB-TA cùng ngày 27/5/2020 cho bà H. Bà đã nhận được các văn bản trên nhưng bà không nộp tạm ứng án phí mà chỉ cung cấp Giấy chuyển nhượng đất, hợp đồng tín dụng. Tòa án tiến hành lấy lời khai, giải thích rõ cho bà H biết tư cách tham gia tố tụng trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, phải nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình nếu không nộp tạm ứng án phí Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà H đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm không nộp tạm ứng án phí vì cho rằng không phải nộp và không có tiền nộp.

Bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhưng không nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX chưa có căn cứ xem xét giải quyết về phân chia tài sản chung, nợ nần. Sau này, nếu các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ giao cháu Phạm Quang D sinh ngày 14/02/2007 cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thị Thu H1 sinh ngày 02/10/2009 cho chị L được quyền nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; công sức; ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ nần: Bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí nên HĐXX chưa xem xét giải quyết. Sau này, nếu các bên tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000554 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- UBND xã C;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang